TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ N** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2022/HSST
Ngày: 20-7-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Công Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phương Ly

2. Ông Phạm Tiến Dũng

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Nhung - Thư ký Toà án nhân dân thành phố N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa: Ông Phạm Bá Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 145/2022/TLST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2022/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2022 đối với:

Bị cáo Trần Thị N, sinh năm 1964; tên gọi khác: Không; giới tính: Nữ; nơi sinh: Tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Số nhà 8/26 đường Đ, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 7/10; con ông: Trần Văn Tr, sinh năm 1931 và bà: Trần Thị Q, sinh năm 1933; gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai; có chồng Trần Văn B và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24-3-2022 sau đó chuyển tạm giam đến nay tại Nhà tạm giữ - Công an thành phố N; (Có mặt).

- Bị hại: Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1953; nơi cư trú: Số nhà 548 đường K, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 10 năm 2021, Trần Thị N làm phụ hồ xây dựng tại khu vực đường K, phường L, thành phố N, quen biết bà Đỗ Thị M, sinh năm 1953, trú tại 548 đường K, phường L, thành phố N. N nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà M bằng cách tiếp xúc, làm quen và nói với bà M có đầu mối thu mua

phế liệu giá rẻ tại Công ty may Youngone - Khu công nghiệp Hòa Xá, thành phố N. Nếu có vốn mua được nhiều sẽ có lãi cao và rủ bà M chung vốn, mặc dù N chưa liên hệ và cũng không có bất cứ hợp đồng mua bán phế liệu nào với Công ty may Youngone. Để bà M thêm tin tưởng, N nói nếu bà M tham gia góp vốn vào thời điểm cuối năm sẽ được lãi cao vì công ty Youngone xả thanh lý phế liệu giá rẻ. Bà M tin tưởng đã đưa tiền cho N các ngày 30-10-2021: 15.000.000 đồng; ngày 31-10-2021: 7.000.000 đồng; ngày 02-11-2021: 8.000.000 đồng; ngày 04-11-2021: 10.000.000 đồng và ngày 07-11-20 21: 17.000.000 đồng. Tổng cộng là 57.000.000 đồng; toàn bộ số tiền trên đều đưa tại khu vực đường K, phường L, thành phố N và không có giấy giao nhận.

Khi có số tiền trên, N trả nợ chị Phan Thị Thanh N, sinh năm 1984, trú tại số 336 đường H, phường T, thành phố N 10.500.000 đồng; chi tiêu 40.000.000 đồng, còn 6.500.000 đồng N cất ở nhà. Sau đó bà M nhiều lần yêu cầu N đưa đến Công ty may Youngone nhưng N từ chối, lấy lý do chỉ N mới được vào. Nghi ngờ bị lừa, bà M tìm đến nhà được biết N không thu mua sắt vụn, phế liệu và đã bị nhiều người đòi tiền, bà đã gặp N đòi lại số tiền đã đưa, N hẹn ngày 14-01-2022 sẽ trả. Tuy nhiên N không trả, nên bà M đã trình báo Công an thành phố N đồng thời giao nộp 01 file ghi âm lại cuộc trò chuyện điện thoại giữa bà và N về việc đòi nợ.

Triệu tập Trần Thị N làm việc, tại Cơ quan điều tra Công an thành phố N, N đã có đơn xin đầu thú, khai nhận hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà M như trên và giao nộp số tiền 6.500.000 đồng là số tiền còn lại.

Làm việc với Công ty TNHH Youngone, ông Đỗ Tuấn Nam - Trưởng phòng Hành chính xác nhận: Công ty TNHH Youngone không có bất cứ hợp đồng mua bán phế liệu nào với người có tên Trần Thị N, sinh năm 1964, trú tại 8/26 Đinh Bộ L, phường N, thành phố N.

Quá trình làm việc, Cơ quan điều tra đã cho N nghe lại đoạn ghi âm do bà M giao nộp, N khẳng định giọng 2 người phụ nữ trong file ghi âm cuộc nói chuyện điện thoại là N và bà M.

Trưng cầu giám định âm thanh trong đoạn ghi âm trên. Tại kết luận giám định số 2488 ngày 07-6-2022 Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: "Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong tệp âm thanh mẫu cần giám định. Tiếng nói của người phụ nữ xưng "tao" trong mẫu cần giám định (được ký hiệu là " N" trong Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định) và tiếng Trần Thị N nói trong mẫu so sánh là của cùng một người."

Tại Cơ quan điều tra, N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Về vấn đề dân sự: N và gia đình đã tự nguyện khắc phục hậu quả trả bà M 28.500.000 đồng (trong đó có 6.500.000 đồng N giao nộp khi đầu thú và 22.000.000 đồng do chị Trần Thị Thủy, sinh năm 1990, trú tại 1/165 đường Trần Nhân Tông, phường Năng Tĩnh, thành phố N là con gái của N nộp khắc phục một phần cho bà M). Bà M đã nhận số tiền trên và yêu cầu N trả nốt 28.500.000 đồng còn lại, đồng thời có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho N.

Bản cáo trạng số 150/CT-VKS-TPNĐ ngày 30-6-2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N truy tố bị cáo Trần Thị N về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Sau đây được viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị N khai nhận toàn bộ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản như bản cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N giữ quyền công tố tại phiên toà, luận tội và tranh luận: Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đánh giá mức độ hành vi phạm tội, nhân thân cũng như tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo Trần Thị N có đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Do đó Kiểm sát viên đã giữ nguyên nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Thị N phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS: Xử phạt bị cáo Trần Thị N từ 24 đến 30 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo;

Căn cứ Điều 584, Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Đỗ Thị M số tiền 28.500.000 đồng.

Bị cáo Trần Thị N không tranh luận gì và nói lời sau cùng: Do thiếu hiểu biết mà phạm tội, bản thân tham gia trong quân đội, gia đình có công với cách mạng nên xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị N không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Thị N tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị hại, Kết luận của Viện khoa học hình sự Bộ Công an và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 30-10-2021 đến ngày 07-11-2021 tại khu vực đường K, phường L, thành phố N bằng thủ đoạn gian dối Trần Thị N đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của bà Đỗ Thị M với tổng số tiền là 57.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo Trần Thị N là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo hộ; bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhưng bị cáo vẫn nhiều lần thực hiện hành vi lừa đảo vì mục đích tư lợi, lỗi của bị cáo là lỗi cố ý. Do đó, bị cáo đã phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174

của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Quan điểm truy tố và áp dụng điều luật của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N là có căn cứ.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[3.1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo Trần Thị N đã thành khẩn khai báo đối với hành vi phạm tội của mình, bị cáo cùng với gia đình bồi thường cho bị hại một phần thiệt hại, bị hại có đơn giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bản thân bị cáo có thời gian tham gia trong quân đội, mẹ bị cáo được tặng thưởng Huy chương nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

[3.2] Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

[4] Về hình phạt: Xét bị cáo Trần Thị N phạm tội lần đầu, bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS. Vì vậy Hội đồng xét xử sẽ xử phạt bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố nhằm răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo nên quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên là tương đối phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về bồi thường dân sự: Bà M yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền còn lại 28.500.000 đồng, bị cáo tuy đã đồng ý nhưng đến nay bị cáo vẫn chưa bồi thường. Vì vậy xét thấy yêu cầu của bà M phù hợp với quy định tại Điều 584, Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên buộc bị cáo phải bồi thường cho bà M khoản tiền trên.

[7] Về án phí: Bị cáo Trần Thị N bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Thị N phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS;

Xử phạt bị cáo Trần Thị N 24 (Hai bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24-3-2022.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, Điều 589 của Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo Trần Thị N phải bồi thường cho bà Đỗ Thị M số tiền 28.500.000 đồng (Hai tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Trần Thị N phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự và 1.425.000 đồng (Một triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự.

5. Quyền kháng cáo:

Bị cáo Trần Thị N có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- Bị cáo;
- Toà án nhân dân tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Nam Định;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Nam Định;
- Công an TP. Nam Định;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Công Khánh

CÁC HỘI THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Công Khánh